

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v tranh chấp xin ly hôn và  
giải quyết việc nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện H TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Bà Đinh Thị Phương Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Hoàng T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 5, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn V, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ 5, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Hoàng T trình bày:* Bà và ông Hồ Văn Ven tự tìm hiểu, thương yêu nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận cho tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2002 tại UBND thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu, ông bà chung sống rất hạnh phúc và sinh được 04 người con chung là Hồ Văn Tài, sinh năm 1990; Hồ Văn Đạt, sinh năm 1991; Hồ Phước Hậu, sinh năm 1995 và Hồ Mỹ Duyên, sinh ngày 18/12/2009. Hiện tại, cháu Đạt đã có vợ ở riêng, còn cháu Tài, Hậu và Duyên đang ở với bà. Thời gian sau này, ông V có quan hệ với người phụ nữ khác, bà khuyên bảo không nghe, về nhà đối xử với bà rất thậm tệ, thậm chí ông V còn đánh đập vợ con rất tàn nhẫn, hiện ông bà đã sống ly thân. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông V nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải

quyết cho bà được ly hôn với ông V. Về con chung, các con Hồ Văn Đạt, Hồ Văn Tài và Hồ Phước Hậu đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Hồ Mỹ Duyên chưa đủ 18 tuổi, hiện đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà và ông V sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Hồ Văn V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông V, nhưng ông V không có mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện H tỉnh Kiên Giang ngày ngày 01/10/2002, đó đó hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa bà T và ông V thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, bà T không còn tình cảm và đã sống ly thân với ông V nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy cuộc hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc cho bà ly hôn với ông V.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, ông bà có 04 con chung là Hồ Văn Tài, sinh năm 1990; Hồ Văn Đạt, sinh năm 1991; Hồ Phước Hậu, sinh năm 1995 và Hồ Mỹ Duyên, sinh ngày 18/12/2009, hiện nay 03 con đầu đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết, riêng cháu Hồ Mỹ Duyên chưa đủ 18 tuổi, hiện đang ở với bà T, bà tự nguyện nhận nuôi con và cháu Duyên có nguyện vọng muốn ở với mẹ, xét nên giao cháu Duyên cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà T, cùng các thành viên gia đình hai bên không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng bà không có nợ chung và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà T yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2 và khoản 3, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Hoàng T ly hôn với ông Hồ Văn V.
  2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hồ Mỹ Duyên, sinh ngày 18/12/2009 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Duyên đủ 18 tuổi. Ông V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà T, cùng các thành viên gia đình hai bên không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
  3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.
  4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
  5. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001322 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà T đã nộp xong.
- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Hoàng Thắm có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Hồ Văn Ven

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND TT Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**